

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH PHÚ  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2025/HNGĐ-ST  
Ngày: 30 – 6 - 2025  
V/v tranh chấp “ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Cẩm Nhung

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Văn Hiện

2. Ông Phạm Văn Vũ

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Trương Nguyễn Nhứt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú tham gia phiên tòa:*  
Ông Nguyễn Phú Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 480/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2024 về việc tranh chấp “ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn* Chị Huỳnh Thị T, sinh năm 1984; ĐKTT: 38/2 ấp T, xã H, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre; chỗ ở hiện nay: ấp H, thị trấn T, huyện T, tỉnh B (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Lê Minh C, sinh năm 1983; địa chỉ: 38/2 ấp T, xã H, huyện thị trấn T, huyện T, tỉnh B, tỉnh Bến Tre (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung đơn khởi kiện, văn bản nêu ý kiến và vắng mặt, trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Huỳnh Thị T trình bày:*

Chị và anh Lê Minh C tự nguyện tiến đến hôn nhân, được gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 18/02/2019. Thời gian sống chung có 02 con chung Lê Thị Khánh B, sinh ngày 26/5/2006 và Lê Thị Khánh N, sinh ngày 17/01/2019. Sau khi cưới nhau

thì anh chị sống hạnh phúc. Sống chung được 19 năm, khi cưới nhau thì sinh sống tại nhà của 02 vợ chồng tại xã H, cha mẹ chồng cho ra riêng. Tuy nhiên từ năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn từ việc anh C cho rằng chị lén lút lấy tiền về lo cho gia đình bên mẹ ruột. Từ đó mâu thuẫn kéo dài, anh C còn thường xuyên đánh đập chị nên chị phải trở về nhà cha mẹ ruột để sinh sống và ly thân với anh C đã 04 năm qua.

Anh C còn tham gia cờ bạc và 04 năm qua anh C đã có tình cảm với người phụ nữ khác. Con gái lớn Khánh B đã nhiều lần nhìn thấy. Anh C hiện đã có rước người phụ nữ khác về chung sống. Chị cũng đã tha thứ nhiều lần tạo điều kiện để anh C sửa đổi nhưng anh C không thay đổi

Thời gian ly thân 04 năm qua, việc hàn gắn không có kết quả, chị đã không còn tình cảm với anh C. Anh C ít khi quan tâm đến chị và các con.

Vì vậy nay chị yêu cầu ly hôn với anh C. Chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng cho chị khi ly hôn.

Về con chung: con chung Lê Thị Khánh B, sinh ngày 26/5/2006 đã trưởng thành chị không yêu cầu giải quyết. Đối với con chung Lê Thị Khánh N, sinh ngày 17/01/2019 hiện đang sống cùng chị, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung là 700.000 đồng/tháng, cấp dưỡng đến khi con chung tròn 18 tuổi. Anh C hiện có thu nhập từ nghề mua bán dê, bò và chăn nuôi nên anh C phải có trách nhiệm đóng góp chi phí nuôi con. Chị chăm lo cho con đầy đủ, cháu N đang học mầm non hết năm nay là vào lớp 1.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, chị không yêu cầu giải quyết.

*Theo nội dung bản khai, biên bản hòa giải bị đơn anh Lê Minh C trình bày:*

Anh và chị T kết hôn tự nguyện tiến đến hôn nhân, được gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 01/7/2005. Thời gian sống chung có 02 con chung Lê Thị Khánh B, sinh ngày 26/5/2006 và Lê Thị Khánh N, sinh ngày 17/01/2019. Anh và chị T phát sinh mâu thuẫn 04 năm qua, từ việc mâu thuẫn tiền bạc, trong chuyện làm ăn kinh tế, bất đồng quan điểm về việc làm ăn. Anh và chị T cũng có cãi vã và từ đó 04 năm qua chị T về nhà mẹ ruột ở Thị trấn thị trấn T, huyện T, tỉnh B sống cùng 02 con. Anh đã nhiều lần năn nỉ, nhưng chị T không quay về. Anh đã nhiều lần hàn gắn đoàn tụ nhưng không đạt kết quả như mong muốn vì mẹ vợ không ủng hộ. Nay anh không đồng ý ly hôn với chị T.

Nếu Tòa giải quyết theo yêu cầu ly hôn của chị T thì tùy chị T quyết định và Tòa xem xét. Nếu Tòa giải quyết cho chị T ly hôn thì anh đồng ý giao con chung Lê Thị Khánh N cho chị T nuôi dưỡng, anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Lê Thị Khánh B đã trưởng thành, đang học đại học tại Sài Gòn, anh

không yêu cầu giải quyết. Anh là cha không bao giờ bỏ con, luôn quan tâm, yêu thương con nếu thu nhập có nhiều anh cho nhiều, có ít anh cho ít tùy khả năng kinh tế. Hiện nay công việc của anh là mua bán bò, dê, chăn nuôi bò, trồng mía, nuôi cá thu nhập không ổn định.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, anh không yêu cầu giải quyết.

Do bận công việc làm ăn nên anh xin vắng mặt trong các lần tòa án mời giải quyết, hòa giải, xét xử vụ án nêu trên.

### **Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:**

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Do nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt và bị đơn đã được triệu tập lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng trong vụ án.

Về nội dung: xét thấy, chị T và anh C tự nguyện sống chung, đăng ký kết hôn và được UBND xã H, huyện thị trấn T, huyện T, tỉnh B, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn đúng quy định pháp luật. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn sống chung khoảng 4 năm nay.

Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết đơn yêu cầu ly hôn, Thẩm phán tiến hành tổ chức hòa giải, công khai chứng cứ. Tại buổi hoà giải, chị Thuỷ giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh C. Anh C không đồng ý ly hôn nhưng thừa nhận vợ chồng phát sinh mâu thuẫn đã lâu, vợ chồng nhiều lần đoàn tụ nhưng không có kết quả. Do đó, xét thấy “*mâu thuẫn vợ chồng giữa các đương sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được*” nên yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Chị T và anh C có 02 con chung là Lê Thị Khánh B, sinh ngày 26/5/2006 và Lê Thị Khánh N, sinh ngày 17/01/2019. Cháu B đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Chị T yêu cầu trực tiếp nuôi cháu N do cháu đang sống chung với chị. Anh C cũng đồng ý giao cháu N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó giao cháu N cho chị Thuỷ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định sau khi ly hôn “*người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*”. Anh C hiện đang làm nghề chăn nuôi, mua bán cũng có thu nhập. Do đó, chị Thuỷ yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung 700.000 đồng/tháng, cấp dưỡng đến khi con chung tròn 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: chị T và anh C cùng trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, 227, 228 Bộ Luật tố tụng Dân sự; áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 115 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về hôn nhân: chị Huỳnh Thị T được ly hôn với anh Lê Minh C.

- Về con chung: chị Huỳnh Thị T được quyền trực tiếp nuôi con chung Lê Thị Khánh N, sinh ngày 17/01/2019. Anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 700.000 đồng, cấp dưỡng đến khi con chung tròn 18 tuổi. Sau khi ly hôn các đương sự có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định luật hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự cùng trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét;

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng: các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị T, chị yêu cầu ly hôn với anh Lê Minh C nên đây là tranh chấp “ly hôn, nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Lê Minh C cư trú tại xã H, huyện thị trấn T, huyện T, tỉnh B, tỉnh Bến Tre. Do đó căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

[2] Về tố tụng: chị T và anh C có yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng trong vụ án.

[3] Về hôn nhân: Xét về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn thấy rằng chị T và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện thị trấn T, huyện T, tỉnh B, được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 01/7/2005. Do đó hôn nhân của anh, chị đã tuân thủ đầy đủ các quy định về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của chị T, anh C và Biên bản xác minh về tình trạng hôn

nhân thấy rằng hôn nhân của chị T và anh C đã phát sinh mâu thuẫn trong khoảng thời gian dài, việc hàn gắn không có kết quả, hiện chị T, anh C không còn sống chung 04 năm qua. Do đó có căn cứ xác định hôn nhân giữa chị T và anh C đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp.

[4] Về con chung: con chung Lê Thị Khánh B, sinh ngày 26/5/2006 đã trưởng thành, chị T và anh C không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Đối với con chung Lê Thị Khánh N, sinh ngày 17/01/2019, hiện đang sống cùng chị T, anh C đồng ý giao cháu N cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy việc chị T có đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dạy để con chung phát triển tốt về thể chất, tinh thần. Vì vậy giao cháu N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị T có yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con là 700.000 đồng/tháng, cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, cấp dưỡng đến khi con tròn 18 tuổi. Anh C không đồng ý. Theo tại khoản 2, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định sau khi ly hôn *“người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con”*. Anh C hiện đang làm nghề chăn nuôi, mua bán cũng có thu nhập. Do đó, chị Thuỷ yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung 700.000 đồng/tháng, cấp dưỡng đến khi con chung tròn 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: chị T và anh C cùng trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn; anh C phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[7] Quan điểm của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; các Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 115, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị T. Chị Huỳnh Thị T được ly hôn với anh Lê Minh C.

Chị T và anh C không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ, chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

2. Về con chung: Lê Thị Khánh B, sinh ngày 26/5/2006 đã trưởng thành, chị T và anh C không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Chị Huỳnh Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Thị Khánh N, sinh ngày 17/01/2019. Anh Lê Minh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Lê Thị Khánh N là 700.000 đồng/tháng, cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, cấp dưỡng đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có căn cứ.

3. Về tài sản chung, nợ chung: chị T, anh C cùng trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị Huỳnh Thị T phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0006083 ngày 11/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú xem như đã nộp xong.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Minh C có nghĩa vụ chịu 300.000 đồng.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- UBND xã H;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Cẩm Nhung**